| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày 09-8-2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tôn Văn Thông

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

Ông Bùi Văn Quang

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Phương Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2363/2023/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

**Cao Văn T**, sinh năm 1987 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: ấp Q, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn L (chết) và bà Nguyễn Thị Í (chết); vợ: Ngô Thị Bích V (đã ly thân từ năm 2010); hiện đang sống chung như vợ chồng với chị Phan Thị Thúy K, sinh năm 1983; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 4341/QĐ-XPVPHC ngày 05/11/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 45.034.220 đồng (gồm hình phạt chính số tiền 30.000.000 đồng và phạt bổ sung số tiền 15.034.220 đồng) về hành vi *khai thác cát, sỏi lòng sông, suối, hồ, cửa sông; cát sỏi ở vùng nước nội thủy ven biển mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền* (chưa nộp phạt); bị cáo tại ngoại; có mặt.

*- Người làm chứng*:

1. Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1992; nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 40 phút ngày 08/02/2022, trên tuyến sông B thuộc xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre, Tổ công tác của Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh B phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thành T1 và Cao Văn T sử dụng phương tiện ghe gỗ, không biển kiểm soát, đang khai thác cát trái phép tại tọa độ X:1125736, Y: 0593225, khối lượng cát sông đã khai thác trái phép là 16,38 $m^3$.

Trước đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 4341/QĐ-XPVPHC ngày 05/11/2020 đối với Cao Văn T về hành vi "Khai thác cát, sỏi trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; hành lang bảo vệ luồng; phạm vi luồng hoặc trong phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền" với số tiền 45.034.220 đồng (gồm hình phạt chính số tiền 30.000.000 đồng và phạt bổ sung số tiền 15.034.220 đồng). Cao Văn T đã nhận quyết định, không có khiếu nại, khiếu kiện, chưa chấp hành quyết định xử phạt.

Khi bị phát hiện bắt quả tang, Cao Văn T khai tên là Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1987; địa chỉ ấp C, T, huyện G, tỉnh Bến Tre nhưng qua làm việc Cao Văn T khai nhận do lo sợ nên khai tên là Nguyễn Văn Đ và ký tên là Đ. Cao Văn T đồng ý cung cấp mẫu chữ ký tên Đ để giám định. Tại Kết luận giám định số: 392/KL-KTHS ngày 06/9/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh B kết luận mẫu chữ ký do Cao Văn T cung cấp so sánh với chữ ký tên Đ là cùng một người ký ra, phù hợp lời khai nhận của Cao Văn T.

Tang vật thu giữ:

- 01 ghe gỗ, không biển kiểm soát; chiều dài lớn nhất 19,60m, chiều rộng lớn nhất 4,7m, nơi sâu nhất là 2,05m.
- 01 máy chính, không rõ công suất.
- 01 máy dùng để bơm, hút cát, không rõ số hiệu.
- 01 hệ thống bơm, hút cát tự chế.
- 01 mẫu cát ký hiệu KS02/2022, trọng lượng 20kg (được niêm phong).

Riêng số lượng cát sông mà T, T1 vừa khai thác, sau khi lấy mẫu niêm phong, lực lượng chức năng đã yêu cầu cả hai bơm trả trở lại lòng sông nơi đã khai thác.

Ngày 29/6/2022, Giám định viên của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B có Kết luận giám định tư pháp đối với mẫu cát sông ký hiệu KS02/2022, thu giữ trong khoang chứa cát của phương tiện ghe gỗ, không biển kiểm soát trong vụ vi phạm khai thác cát trái phép, xảy ra ngày 08/02/2022 tại sông B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre là khoáng sản.

Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre có Kết luận định giá tài sản xác định 16,38m$^3$ cát sông do Nguyễn Thành T1 và Cao Văn T khai thác trái phép vào ngày 08/02/2022 trị giá 1.081.080 đồng.

Ngày 20/3/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B xác định: Vị trí có tọa độ X: 1125736; Y: 0593225 (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105$^0$45' múi chiếu 3 độ) thuộc tuyến sông B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; Ủy ban nhân dân tỉnh B không có cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân nào; trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản không có tên Nguyễn Thành T1, Cao Văn T.

Trong quá trình điều tra, Cao Văn T và Nguyễn Thành T1 khai nhận phương tiện ghe gỗ không biển kiểm soát và hệ thống bơm hút cát tự chế là của Nguyễn Văn K1. K1 thuê T1, T đi mua cát sông nhưng T1, T tự ý khai thác cát trái phép. Nguyễn Thành T1 không có tiền án, tiền sự liên quan đến hành vi khai thác khoáng sản. Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thành T1 và Nguyễn Văn K1. Đồng thời Công an tỉnh B trả lại tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (ghe gỗ và hệ thống bơm hút cát tự chế mà T1, T sử dụng khai thác cát trái phép ngày 08/02/2022) cho Nguyễn Văn K1.

Tại Bản cáo trạng số: 30/CT-VKSBT-P1 ngày 26/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố Cao Văn T về "Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Cao Văn T khai nhận: Bị cáo đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 4341/QĐ-XPVPHC ngày 05/11/2020 về hành vi khai thác cát trái phép với số tiền phạt 45.034.220 đồng, chưa nộp phạt; bị cáo không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Nhưng vào ngày 08/02/2022, bị cáo sử dụng ghe gỗ, không biển kiểm soát, có gắn sẵn hệ thống bơm hút cát của Nguyễn Văn K1 cùng với ông Nguyễn Thành T1 khai thác cát trái phép trên tuyến sông B thuộc xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre thì bị bắt quả tang với khối lượng cát đã khai

thác trái phép bị thu giữ là 16,38m$^3$. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản cáo trạng truy tố, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người làm chứng ông Nguyễn Thành T1 vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra có lời khai: Vào chiều ngày 08/02/2022, ông nhận tiền của ông Nguyễn Văn K1 để đi mua cát. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày ông điện thoại cho Cao Văn T kêu T xuống V để lấy phương tiện đi mua cát, sau đó ông điều khiển phương tiện chở T đến sông B thuộc xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Khi đến nơi ông và T thấy có phương tiện khai thác cát trái phép nên ông bàn với T là không đi mua cát mà thực hiện hành vi khai thác cát trái phép để lấy số tiền mà ông K1 đưa đi mua cát tiêu xài, T đồng ý. Sau đó ông thả ống, thả sào xuống sông và vận hành máy bơm hút cát lên phương tiện; Thêm phụ mồi nước vào máy bơm nước, canh bơm nước ra khỏi ghe và ngồi giữ lái để cố định phương tiện. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày thì cả hai bị lực lượng Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh B phát hiện quả tang; lúc này máy hút cát vẫn còn hoạt động, ống và sào vẫn còn ở dưới sông. Sau đó T kéo ống, kéo sào lên và ông tắt máy bơm hút cát để lực lượng Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường tiến hành lập biên bản, đo xác định khối lượng cát sông, lấy mẫu cát trong khoang chứa phương tiện. Khối lượng cát đã khai thác được là khoảng 16m$^3$ ông không nhớ chính xác. Ông có thấy T ký chữ "Đen" vào các biên bản do cán bộ Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh B lập, còn họ tên "Nguyễn Văn Đ" là do T nhờ ông ghi thay. Lúc này ông nghĩ Thêm tên là "Đen", sau này ông mới biết việc T khai tên "Nguyễn Văn Đ" là không đúng.

- Người làm chứng ông Nguyễn Văn K1 vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra có lời khai: Ghe gỗ, không biển kiểm soát, có gắn sẵn hệ thống bơm hút cát là thuộc sở hữu của ông. Ông giao ghe cho ông Nguyễn Thành T1 và thuê ông T1 cùng Cao Văn T đi mua cát. Vào ngày 08/02/2022, ông có liên hệ và giao tiền cho ông T1 để lấy ghe của ông đậu tại V, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre đi mua cát về bán lại. Đến trưa ngày 09/02/2022, ông T1 điện thoại lại cho ông nói là ông T1 và T không có đi mua cát mà đã khai thác cát trái phép nên bị lượng Công an tỉnh B bắt quả tang. Việc khai thác cát trái phép là do ông T1 và T tự ý thực hiện, ông không có yêu cầu. Số tiền 1.000.000 đồng ông đưa cho ông T1 đi mua cát, ông T1 có trả lại nhưng ông không nhận, ông cho ông T1 và T tiêu xài.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Khẳng định Bản cáo trạng số: 43/CT-VKSBT-P1 ngày 05/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố Cao Văn T về "Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Cao Văn T phạm "Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên";

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Cao Văn T từ 03 tháng đến 06 tháng tù;

Không áp dụng hình phạt bổ sung;

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu trả về môi trường tự nhiên 01 mẫu cát sông theo quy định;

Đối với khối lượng cát sông khai thác trái phép 16,38m$^3$ đã được xử lý xong, nên không xem xét;

Đối với ghe gỗ, không biển kiểm soát cùng các dụng cụ dùng để bơm hút cát trái phép đã được xử lý xong theo thủ tục hành chính, nên không đề cập đến.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có điều kiện lo cho gia đình.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người làm chứng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra làm rõ tình tiết của vụ án, việc vắng mặt người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng được thu giữ, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Mặc dù Cao Văn T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và không được cấp phép khai thác khoáng sản. Nhưng vào ngày 08/02/2022, Cao Văn T sử dụng phương tiện ghe gỗ không biển kiểm soát đến khu vực sông B có tọa độ: X:

1125736, Y: 0593225, thuộc thủy phận xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre để hút cát từ lòng sông lên khoang chứa của ghe thì bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường Công an tỉnh B phát hiện bắt quả tang vào lúc 19 giờ 40 phút, với khối lượng cát sông đã khai thác được là 16,38m$^3$, trị giá 1.081.080 đồng.

[3] Về tội danh: Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; mặc dù đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép chưa được xóa tiền sự, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cát sông), và tại khu vực bị cáo khai thác cát trên tuyến sông B thuộc thủy phận xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre thì Ủy ban nhân dân tỉnh B không có cấp phép khai thác khoáng sản (cát lòng sông) cho cá nhân, tổ chức nào, nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép với khối lượng 16,38m$^3$ cát; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong đất liền, nội thủy của Việt Nam mà không có giấy phép, gây ảnh hưởng xấu đến tài nguyên, môi trường sinh thái và trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Với ý thức, hành vi, hậu quả xảy ra và nhân thân của bị cáo, thấy rằng Bản cáo trạng số: 43/CT-VKSBT-P1 ngày 05/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre đã truy tố Cao Văn T về "Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên" với tình tiết định khung *"Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm"* theo điểm đ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội; thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội; tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra: Mặc dù bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) trái phép với số tiền phạt 45.034.220 đồng nhưng chưa nộp phạt, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cát sông) và tại khu vực bị cáo khai thác cát thì cơ quan Nhà nước có thẩm quyền không có cấp phép khai thác khoáng sản (cát lòng sông) cho cá nhân, tổ chức nào, nhưng vì hoàn cảnh khó khăn phải đi làm thuê kiếm tiền nuôi sống gia đình, bị cáo đã cùng với ông Nguyễn Thành T1 thực hiện hành vi khai thác cát trái phép. Bị cáo sử dụng phương tiện ghe gỗ cùng dụng cụ bơm hút cát có sẵn trên ghe, thực hiện hành vi bơm hút cát trái phép vào đêm tối để tránh sự phát hiện của các cơ quan chức năng; quá trình bơm hút cát trái phép thì ông T1 thả ống, thả sào xuống sông và vận hành máy bơm hút cát lên phương tiện, bị cáo phụ mồi nước vào máy bơm nước, canh bơm nước ra khỏi ghe và ngồi giữ lái để cố định phương

tiện; tại thời điểm cơ quan chức năng kiểm tra phát hiện hành vi khai thác cát trái phép của bị cáo thì máy hút cát vẫn còn hoạt động, ống và sào vẫn còn ở dưới sông, sau đó bị cáo kéo ống, kéo sào lên và ông T1 tắt máy bơm hút cát, khối lượng cát bị cáo đã khai thác trái phép được xác định là 16,38m$^3$. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, vi phạm các quy định của Nhà nước về khai thác tài nguyên trong đất liền, nội thủy của Việt Nam mà không có giấy phép, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội, là nguyên nhân gây ra biến đổi xấu về môi trường.

[5] Về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; lượng hình: Bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa được xóa tiền sự, không có tiền án, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo "*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, "*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có *hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình nuôi con còn nhỏ, nuôi em bị khuyết tật, có anh là liệt sĩ* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét thấy, mặc dù bị cáo phạm tội có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm, thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuy nhiên trước đó vào ngày 01/6/2015, bị cáo cũng đã bị Trưởng Công an huyện M, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 4.000.000 đồng về hành vi khai thác cát sông trái phép, đã chấp hành xong; đến ngày 05/11/2020 lại bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 45.034.220 đồng về hành vi khai thác cát sông trái phép, chưa nộp phạt; đến ngày 08/02/2022 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi khai thác trái phép 16,38m$^3$ cát sông và lần này bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự, điều đó cho thấy bị cáo có nhân thân không tốt. Xét thấy trong giai đoạn hiện nay tình hình khai thác cát trên sông diễn ra phức tạp, đã gây sạt lở đất canh tác, sạt lở bờ sông, gây bức xúc trong nhân dân. Qua xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả xảy ra, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự, cách ly bị cáo

ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng: Theo khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự quy định: "Đối với vật, tiền bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép, thì không tịch thu mà trả lại cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp". Từ quy định nêu trên, vật chứng của vụ án được xử lý như sau:

- Đối với 01 mẫu cát sông đựng trong túi nilon, được dán niêm phong đóng dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B (mẫu cát còn lại sau khi trưng cầu giám định), đây là vật thuộc sở hữu của toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý đã bị bị cáo chiếm đoạt trái phép, nên cần trả lại tại nơi đã khai thác trái phép là tọa độ X:1125736, Y: 0593225 trên tuyến sông B thuộc xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre là phù hợp;

- Đối với khối lượng cát sông khai thác trái phép 16,38m$^3$ đã được xử lý xong bằng hình thức bơm trả lại tại lòng sông nơi khai thác trái phép theo Biên bản xử lý tang vật vi phạm hành chính là khoáng sản (cát) ngày 08/02/2022, nên không xem xét.

- Đối với 01 phương tiện thủy (ghe gỗ), không biển kiểm soát cùng các dụng cụ dùng để bơm hút cát trái phép, Công an tỉnh B đã trả lại đầy đủ cho ông Nguyễn Văn K1 theo Biên bản trả lại tang vật, phương tiện ngày 10/6/2022 (bút lục số 344), nên không đề cập đến.

[7] Về các vấn đề khác:

[7.1] Quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và xử lý vật chứng của vụ án là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[7.2] Đối với Nguyễn Thành T1 không có tiền án, tiền sự về hành vi khai thác khoáng sản nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với ông Nguyễn Văn K1 là chủ sở hữu phương tiện ghe gỗ không biển kiểm soát và hệ thống bơm hút cát tự chế, đã giao cho bị cáo T và Nguyễn Thành T1 đi mua cát nhưng T và T1 tự ý dùng để khai thác cát sông trái phép nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự đối với K1. Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T1 và K1 là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Về trách nhiệm hình sự:**

Tuyên bố bị cáo Cao Văn T phạm "Tội vi phạm quy định về khai thác tài nguyên";

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Cao Văn T 04 (bốn) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

**2. Về xử lý vật chứng:** căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Trả lại tại tọa độ X: 1125736, Y: 0593225 trên tuyến sông Ba Lai thuộc xã Tân Mỹ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre: 01 (một) mẫu cát sông đựng trong túi nilon, được dán niêm phong đóng dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (mẫu cát còn lại sau khi trưng cầu giám định).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 10/7/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bến Tre với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre).

**3. Về án phí:** căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Cao Văn T phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**4. Về quyền và thời hạn kháng cáo:** Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1b);
- Vụ GĐKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã T, h.Giồng Trôm (1b);
- Bị cáo (1b);
- Thi hành án hình sự - TAND tỉnh (4b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (6b).
- Lưu Hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tôn Văn Thông**